

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 4

Phẩm 3: VÔ THƯỜNG (Phần 1)

Lúc bấy giờ Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta sẽ nói cho ông nghe về tướng sai biệt của Ý thành thân, ông hãy nghe và suy nghĩ cho kỹ.

Bồ-tát Đại Tuệ xin vâng lời.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Có ba loại Ý thành thân. Đó là:

1. Ý thành thân đạt được trong niềm vui nhập Tam-muội.
2. Ý thành thân đạt được trong sự nhận biết tự tánh của pháp.
3. Ý thành thân của hành động vô tác thuộc chủng loại câu sinh.

Những bậc tu hành nhập Sơ địa rồi, dần dần chứng đắc các thân ấy.

Này Đại Tuệ! Thế nào là Ý thành thân đạt được trong niềm vui nhập Tam-muội? Đó là trong các Địa thứ ba, thứ tư, thứ năm, các bậc tu hành nhập Tam-muội từ bỏ các thứ tâm và được yên tĩnh, bất động. Những làn sóng thức không còn khuấy động trong biển tâm. Vị ấy nhận biết những gì hiện hữu của thế giới bên ngoài do tâm hiện đều không có sở hữu. Đây gọi là Ý thành thân đạt được trong niềm vui nhập Tam-muội.

Thế nào là Ý thành thân đạt được trong sự nhận biết tự tánh của pháp? Khi bậc tu hành ở Địa thứ tám hiểu rõ vạn pháp giống như huyễn, hoàn toàn không thật tướng. Vị ấy thể nghiệm sự chuyển đổi nơi tâm thức và an trú thiên định như huyễn cùng các Tam-muội khác, có thể hiện vô lượng thần thông tự tại. Tùy theo ý nguyện, vị ấy chuyển động nhanh như đóa hoa tung cánh nở tròn, giống như huyễn hóa, như giấc mộng, như ảo ảnh, như hình tượng. Cái thân không phải được cấu tạo bằng bốn đại, nhưng được cấu tạo như tướng tự, được trang nghiêm đầy đủ tất cả sắc tướng, thể nhập khắp trong cõi Phật và thông suốt tự tánh của các pháp. Đây gọi là Ý thành thân đạt được trong sự nhận biết tự tánh của pháp.

Thế nào là Ý thành thân của hành động vô tác thuộc chủng loại câu sinh? Nghĩa là thông đạt pháp tướng của chư Phật tự chứng, gọi là Ý thành thân hành động vô tác thuộc chủng loại câu sinh.

Này Đại Tuệ! Ông hãy nỗ lực quán sát thông suốt về ba tướng trạng của Ý thành thân.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Đại thừa ta, không thừa
Không âm thanh, ngôn ngữ
Không chân lý, giải thoát
Không cảnh giới, vô tướng
Đại thừa là một thừa
Tam-ma-đề tự tại
Mỗi mỗi Ý thành thân*

Trang nghiêm hoa tự tại.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn có dạy về năm tội vô gián, vậy năm tội ấy là gì mà những ai phạm phải đều bị rơi vào địa ngục A-tỳ?

Đức Phật bảo:

–Ông hãy lắng nghe cho kỹ! Ta sẽ nói cho thầy rõ.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Vâng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Năm tội vô gián đó là:

1. Giết cha.
2. Giết mẹ.
3. Giết A-la-hán.
4. Phá hòa hợp Tăng.
5. Ôm lòng ác nghịch, làm thân Phật chảy máu.

Này Đại Tuệ! Thế nào là mẹ của tất cả chúng sinh? Nghĩa là do tham dẫn sinh câu hữu với hỷ và tham, như sự nuôi dưỡng của mẹ.

Thế nào là cha? Đó là vô minh làm cho sinh vào lòng của sáu xứ. Khi đoạn diệt hai căn gốc này thì gọi là giết mẹ và cha.

Thế nào là giết A-la-hán? Nghĩa là tùy miên kẻ oán thù như con chuột độc... Cuối cùng được đoạn diệt. Thế nên gọi là giết A-la-hán.

Thế nào là phá hòa hợp Tăng? Sự tập hợp của các uẩn và các đặc tướng của nó vốn là sự tùy thuộc hỗ tương giữa sự khác biệt, đoạn diệt được hoàn toàn tất cả. Đây gọi là phá hòa hợp Tăng.

Thế nào là ôm lòng ác nghịch làm thân Phật chảy máu? Thân thể gồm tám thức nhận biết một cách sai lầm rằng: tướng chung và tướng riêng là ở ngoài tâm. Do tâm sai lầm bởi ba giải thoát và vô lậu nên hoàn toàn bị diệt từ tám thức kia và thân Phật. Đây gọi là ôm lòng ác nghịch làm thân Phật chảy máu.

Này Đại Tuệ! Đây là năm tội vô gián tự nội. Nếu có người nào thể nghiệm năm tội vô gián này là chứng đắc pháp chân thật.

Này Đại Tuệ! Có năm tội ngoại vô gián, ta sẽ nói để ông và các Bồ-tát khác khi nghe ý nghĩa này rồi, đến đời tương lai không sinh nghi hoặc. Năm tội ngoại vô gián là gì? Đó là các tội vô gián được ghi trong các kinh điển. Người nào mắc phải tội này thì không thể chứng đắc một biểu hiện nào đối với ba giải thoát, trừ khi Đức Như Lai hay các Đại Bồ-tát và đại Thanh văn thấy những ai tạo nghiệp vô gián, các vị ấy muốn khuyên giúp những người này để làm cho họ sửa đổi lỗi lầm, nên vận thân thông thể hiện cùng làm việc với họ, tức thời họ hối lỗi, từ bỏ ác hạnh, được giải thoát. Đây là cách ta thể hiện biến hóa, chứ chẳng phải là sự tạo tác thật có. Nếu người nào thật sự tạo tác vô gián, thì không bao giờ thân hiện tại được giải thoát, ngoại trừ họ nhận biết được những gì hiện hữu hay tồn tại nơi cuộc đời không gì khác ngoài chính tự tâm. Họ vượt ra ngoài sự cố chấp phân biệt về tự ngã và những thứ thuộc về tự ngã. Hoặc vào đời tương lai, họ thọ sinh nơi khác, được gặp Thiện tri thức, thoát khỏi những sai lầm về phân biệt, mới chứng đắc giải thoát.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Tham ái gọi là mẹ

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Vô minh, gọi là cha
Thức nhận biết thế giới
Đây được gọi là Phật
Kết sử A-la-hán
Uẩn tụ hòa hợp Tăng
Các thứ này đoạn diệt
Gọi là nghiệp vô gián.*

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con biết về thể tánh của chư Phật.

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Khi sự vô ngã về nhân và pháp được hiểu, trừ hai chướng ngại, lia hai loại chết, hai nhóm phiền não được đoạn diệt, thì đó là thể tánh của Phật.

Này Đại Tuệ! Hàng Thanh văn và Duyên giác được hai pháp này cũng gọi là Phật. Ta dùng nghĩa này chỉ để nói một thừa.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Biết rõ hai vô ngã
Trừ hai chướng, hai não
Và tử chẳng thể nghĩ bàn
Thế nên gọi Như Lai.*

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Theo ý sâu xa nào mà Như Lai tuyên bố trước đại chúng rằng: “Ta là tất cả chư Phật trong quá khứ” và nói: “Ta đã trải qua trăm ngàn kiếp sinh ra trong nhiều hình tướng khác nhau. Có lúc là Chuyển luân thánh vương, voi, chim Oanh vũ, Nguyệt Quang, Diệu Nhân...”

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Dựa vào bốn loại bình đẳng sâu xa, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở giữa đại chúng nói thế này: “Ta là Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp.”

Bốn loại bình đẳng sâu xa ấy là gì? Đó là:

1. Bình đẳng về chữ.
2. Bình đẳng về ngôn từ.
3. Bình đẳng về giáo pháp.
4. Bình đẳng về thân.

Thế nào là bình đẳng về chữ? Nghĩa là tên của ta là Phật, cũng dùng chữ Phật này để gọi cho tất cả các Đức Như Lai. Chữ Phật này không bị phân biệt sai khác nhau, mà nó hoàn toàn bình đẳng.

Thế nào là bình đẳng về ngôn từ? Đó là sáu mươi bốn âm của ngôn ngữ Phạm thiên được ta phân biệt. Tất cả các Đức Như Lai cũng sử dụng những ngôn từ này và bản chất âm thanh giống như chim Ca-lăng-tần-già không hơn không kém, không có sự khác nhau. Đây gọi là sự bình đẳng về ngôn từ.

Thế nào là bình đẳng về thân? Ta và các Đức Phật đều như nhau về Pháp thân và sắc tướng, với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, không có sự khác biệt. Ngoại trừ các Đức Như Lai vì sự giáo hóa chúng sinh nên phải hiện ra các loại thân, tùy theo hoàn cảnh của chúng.

Thế nào là bình đẳng về giáo pháp? Ta cùng các Đức Phật đều chứng đắc các giáo

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

pháp thuộc ba mươi bảy phẩm trợ đạo Bồ-đề, Bốn pháp bình đẳng này, Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã tuyên bố trong đại chúng như vậy.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ca-diếp, Câu-lưu-tôn
Câu-na-hàm là ta
Dựa theo bốn bình đẳng
Dạy các đệ tử Phật.*

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã dạy rằng: “Từ đêm chứng ngộ cho đến đêm nhập Niết-bàn, trong suốt thời gian ấy, ta không nói lên một từ nào, cũng không bao giờ nói hay sẽ nói. Không nói là lời nói của Phật.” Bạch Thế Tôn! Theo ý nghĩa sâu xa nào mà Thế Tôn bảo như vậy?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Theo hai điều trong ý nghĩa sâu xa mà ta nêu lên lời này. Hai điều ấy là gì? Đó là pháp tự chứng và pháp thường trụ.

Thế nào là pháp tự chứng? Điều gì mà các Đức Như Lai thể chứng, thì đó là điều mà chính ta cũng chứng, không tăng không giảm. Vì cảnh giới của trí tự chứng vượt khỏi tướng ngôn thuyết và phân biệt, vượt khỏi cả tướng danh tự.

Thế nào là pháp thường trụ? Nghĩa là bản chất của sự vật như vàng, bạc... vẫn ở tại chỗ. Dù cho Phật có xuất hiện trên đời này hay không thì pháp thường trụ, nên pháp tánh thường trụ, pháp tánh của pháp giới đều thường trụ.

Này Đại Tuệ! Ví như có người đi trong đồng trống mênh mông và gặp một thành cổ với những con đường bằng phẳng, trật tự. Người ấy liền đi vào thành này nghỉ ngơi, hưởng những thú vui thoải mái.

Này Đại Tuệ! Ông nghĩ thế nào? Người ấy có làm ra con đường để vào thành và có làm ra bao nhiêu thứ khác trong thành ấy chăng?

–Thưa không, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Chân như mà chính ta và các Đức Phật đã chứng ngộ là pháp tánh thường trụ cũng lại như vậy. Thế nên, ta nói rằng: “Từ khi Như Lai mới thành Phật cho đến lúc nhập Niết-bàn, trong thời gian ấy, Như Lai không nói một chữ và sẽ không tuyên nói, cũng sẽ không tuyên nói một từ nào.”

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Đêm ta thành Chánh giác
Đến đêm nhập Niết-bàn
Trong khoảng thời gian ấy
Ta đều không nói gì.
Pháp thường trụ tự chứng
Gọi là lời sâu xa
Ta và các Như Lai
Không khác nhau tí nào.*

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con biết về sự hữu tướng hay vô tướng của tất cả các pháp. Làm cho con cùng các Đại Bồ-tát khác thoát khỏi những tướng này và

chóng thành tựu Tuệ giác vô thượng.

Đức Phật bảo:

–Hãy lắng nghe cho kỹ! Ta sẽ nói cho ông.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Chúng sinh nơi thế gian này phần nhiều bị rơi vào hai kiến giải, đó là ý niệm về hữu và phi hữu. Bị rơi vào hai kiến giải này, cho nên họ tưởng tượng ra sự giải thoát ở chỗ không giải thoát.

Thế nào là sự thấy về hữu? Đó là họ cho rằng: Nhân duyên thật sự hiện hữu mà sinh ra các pháp, chớ chẳng phải nhân duyên vốn phi hiện hữu. Do đó, họ nói đến các pháp thật sự hiện hữu từ nhân duyên sinh ra, nên cái gì phi hiện hữu thì họ cho là chẳng phải sinh ra từ pháp.

Này Đại Tuệ! Nói như vậy tức là nói về nhân duyên không thật có.

Thế nào là sự thấy về phi hữu? Đó là biết chấp nhận tham, sân, si mà vọng chấp về tánh phi thực của nó.

Này Đại Tuệ! Có người phân biệt tướng hữu, nhưng không chấp nhận tướng hữu của các pháp. Lại có người biết chư Như Lai, Thanh văn, Duyên giác không có tánh tham, sân, si, mà chấp rằng tham, sân, si không hiện hữu. Trong hai người này, ai là người đáng gọi là bị hủy hoại?

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Người phá hoại là người có tánh tham, sân, si, rồi lại không chịu chấp nhận tham, sân, si.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Ông đã hiểu lời ta hỏi. Không phải chỉ có người này là kẻ bị hủy hoại do quan niệm tham, sân, si là hiện hữu, rồi lại cho rằng không hiện hữu, mà người này còn phá hoại cả đặc tính của Như Lai, Thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì các phiền não không thật có, dầu bên trong hay bên ngoài thể tánh không khác nhau, cũng không phải không khác nhau.

Này Đại Tuệ! Tánh tham, sân, si cũng không thật có, dầu bên trong hay bên ngoài. Chúng không có thể tánh và không thể nắm bắt được. Đức Phật, Thanh văn, Duyên giác, tự bản chất là giải thoát, không bị ràng buộc và nguyên nhân gây nên sự ràng buộc.

Này Đại Tuệ! Ở đâu bị ràng buộc thì ở đó có sự ràng buộc và nguyên nhân gây nên sự ràng buộc. Ai nói như vậy, gọi đó là người phá hoại. Đây là tướng hữu và vô. Ta khẳng định theo ý nghĩa sâu xa này mà nói: Thà khởi chấp ngã như núi Tu-di, còn hơn là khởi chấp không, trống rỗng. Kẻ ôm lòng tăng thượng mạn khởi nên quan điểm này thì gọi là kẻ bị hủy hoại, bị rơi vào quan điểm chung và riêng. Họ ưa thích trong quan điểm đó, mà không hiểu rằng các pháp do tâm hiện ra. Vì không hiểu điều này cho nên thấy các pháp bên ngoài vô thường, biến đổi trong từng sát-na, làm khác tướng uẩn, xứ, giới. Chúng cứ lưu chuyển liên tục, sinh khởi hoàn diệt. Những ai theo sự phân biệt sai lầm, rời khỏi tướng văn tự cũng thành kẻ hủy hoại.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Hữu, vô là nhị biên
Cho đến tâm sở hành*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Cảnh giới này tịnh trừ
Tâm bình đẳng vắng lặng.
Không chấp giữ cảnh giới
Không diệt, không thật có
Chân như và diệu vật
Như cảnh giới bậc Thánh.
Hiện hữu vốn không sinh
Sinh rồi lại mất đi
Nhân duyên hữu, phi hữu
Ai không trụ pháp ta.
Không ngoại đạo hay Phật
Không ta hay kẻ khác
Do duyên mà có hữu
Làm sao phi hữu được.
Ai do duyên thành hữu
Lại được gọi phi hữu
Tà kiến gọi là sinh
Vọng tưởng chấp hữu vô.
Nếu biết không sự sinh
Cũng không có gì diệt
Xem thế giới tịch tĩnh
Hữu vô đều xa lìa.*

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại thỉnh hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con về tướng của sự thể chứng, làm cho con và các Bồ-tát khác thông đạt ý nghĩa này, không bị trôi theo tất cả kiến giải sai lầm, chóng đạt Tuệ giác vô thượng.

Đức Phật bảo:

–Hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho thầy rõ.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Vâng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác có hai cách về sự thể chứng. Hai cách đó là gì?

1. Pháp tướng tông thú.

2. Pháp tướng ngôn thuyết.

Pháp tướng tông thú nghĩa là cảnh giới cao vời của sự chứng đạt tự nội, không liên hệ gì đến văn tự, ngôn ngữ, phân biệt, dẫn vào cảnh giới vô lậu, thành tựu kinh nghiệm tự nội. Hoàn toàn vượt qua tất cả những suy tư hiểu biết bất chánh, chinh phục hàng tà ma ngoại đạo, phát sinh ánh sáng trí tuệ. Đây gọi là những đặc tính của sự thể chứng.

Pháp tướng ngôn thuyết nghĩa là những giáo pháp được nêu trong chín bộ giáo điển, làm cho xa lìa những ý niệm nhị biên về hữu và vô, về giống nhau và khác nhau; dùng những phương tiện khéo léo tùy theo tâm của chúng sinh làm cho họ thâm nhập giáo pháp này. Đây gọi là pháp tướng ngôn thuyết.

Thầy và các Bồ-tát hãy nỗ lực tu học.

Đức Thế Tôn nói kệ:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Tông thú và ngôn thuyết
Tự chứng và giáo pháp
Những ai khéo thông hiểu
Không theo lầm kiến giải.
Sự phân biệt kẻ ngu
Không là tướng chân thật
Sao không cầu vượt qua
Không pháp có thể đạt.
Quán sát các hữu vi
Những sinh diệt tương tục
Tăng trưởng nơi nhị biên
Đảo điên không nhận thức.
Niết-bàn lià tâm ý
Chỉ pháp này chân thật
Nhìn đời đều hư vọng
Như mộng huyễn, cây chuối.
Không có tham, sân, si
Cũng không có ngã, nhân
Từ ái sinh các uẩn
Hãy nhìn như giấc mộng.*

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn nói cho con nghe, thế nào là tướng phân biệt sai lầm. Vì sao sự phân biệt sai lầm này khởi lên? Nguyên nhân nào sinh ra sự phân biệt này và tại sao nó sinh khởi? Ai sinh ra nó? Vì sao gọi là phân biệt sai lầm?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Hay lắm, hay lắm! Vì thương tưởng chư Thiên và loài người, thầy mới hỏi ý nghĩa này, vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người. Ông hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ những điều ta nói.

Bồ-tát Đại Tuệ xin vâng.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Đối với những sự kiện phức tạp, các chúng sinh nhìn nhận một cách sai lầm và bị ràng buộc chính tự nơi tâm. Họ chấp chặt và bị ràng buộc vào sự chấp giữ mà khởi ra những sự phân biệt, nên bị rơi vào kiến giải nhị biên về hữu và vô. Họ bị nuôi dưỡng bởi tập khí của kiến giải sai lầm của hàng ngoại đạo. Khi tâm và những tướng thuộc về tâm cùng sinh khởi, họ chấp những đối tượng bên ngoài là thật có, chấp trước nơi ngã và những gì thuộc về ngã. Thế nên gọi là phân biệt sai lầm.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Theo lời Thế Tôn dạy thì những sự kiện phức tạp của các đối tượng bên ngoài bị người ta nhìn nhận một cách sai lầm, nên bị rơi vào kiến giải hữu và vô.

Bạch Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa đế cũng như vậy, không có những phương tiện thể nghiệm, lý luận, nhân minh, ví dụ...

Bạch Thế Tôn! Làm sao mà đối với những ý nghĩa này bảo là sự sinh khởi phân biệt, thì trong Đệ nhất nghĩa lại không bảo là có sự sinh khởi ư? Một chỗ thì Thế Tôn bảo: “Nó làm cho sinh khởi”, một chỗ Thế Tôn lại bảo: “Nó không làm cho sinh khởi”. Như thế, chẳng phải Thế Tôn đã lập luận sai trái đó sao? Theo Thế Tôn thì vì phân biệt

sai lầm nên bị rơi vào kiến giải nhị biên về hữu và vô. Giống như nhà ảo thuật tạo ra nhiều cảnh không thật, sự phân biệt cũng như vậy. Thật ra, hiện hữu tự nó không phân biệt. Nếu vậy thì tại sao người ta lại ca ngợi nhị biên? Phải chăng họ lại rơi vào cái nhìn của thế gian?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Phân biệt vốn không sinh, không diệt. Vì sao? Vì không có sự khởi sinh phân biệt về tướng hữu và vô. Vì sự nhận biết mọi hiện tượng bên ngoài đều là không thật. Hãy thấy rõ rằng: “Những hiện tượng ấy không gì khác ngoài tâm”. Chỉ vì những kẻ ngu muội phân biệt, đả trước mọi hiện tượng trong cuộc đời này vốn chính từ tâm của họ mà nói như vậy. Thật ra sự nhận thấy đó đều do tâm tạo. Nếu không bảo vậy thì làm sao họ đoạn trừ ý niệm về ngã và thuộc về ngã, cùng tất cả quan niệm chấp trước, xa lìa những nhân xấu, tự tạo hay tạo cho người khác. Và làm sao họ có thể nhận ra rằng không có gì ngoài tâm để chuyển đổi ý thích của họ? Làm sao họ có thể nhận thức rõ ràng về các Địa để đạt được cảnh giới của chư Phật và xả bỏ những nhận thức phân biệt tự tánh của năm pháp? Thế nên ta bảo rằng: Phân biệt hư vọng sinh khởi là do chúng ta chấp vào vô số các cảnh giới hiện hữu từ tâm. Hãy nhận chân thật tại rõ ràng như vậy thì mới được giải thoát.

Đức Thế Tôn lập lại bằng kệ tụng:

*Những ai nhìn thế gian
Sinh từ nhân và duyên
Tương ứng cùng tứ cú
Tức không hiểu pháp ta
Đời chẳng phải hữu vô
Câu hữu, không câu hữu
Phàm phu và phân biệt
Bảo do nhân và duyên
Phi hữu và phi vô
Cũng lại phi hữu vô
Quán thế gian như vậy
Chuyển tâm chứng vô ngã
Tất cả pháp không sinh
Chứng từ duyên sinh khởi
Những gì sinh từ duyên
Là những pháp bất sinh
Quả không tự sinh quả
Phạm lỗi về hai quả
Vì không có hai quả
Nên không có thật tánh
Quán các pháp hữu vi
Rời năng duyên, sở duyên
Tất nhiên chỉ là tâm
Ta nói pháp duy tâm
Nơi tự tánh hiện lượng
Duyên pháp đều xa lìa
Hoàn toàn sự tịnh diệu*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Ta gọi là tâm lượng
Cấu trúc ngã giả danh
Thật không có thật tánh
Các uẩn cũng giả danh
Đều không có thật sự
Có bốn loại bình đẳng
Tướng, nhân và sự sinh
Vô ngã là thứ tư
Người tu hành quán sát
Lìa tất cả kiến giải
Và năng, sở phân biệt
Không được cũng không sinh
Ta gọi tâm hiện lượng
Phi hữu, phi hiện hữu
Hữu vô đều xa lìa
Lìa khỏi tâm như vậy
Ta gọi là tâm lượng
Chân như không, thật tế
Pháp giới và Niết-bàn
Các loại Ý sinh thân
Ta gọi là tâm lượng
Tập khí buộc vọng tưởng
Tất cả từ tâm sinh
Chúng sinh thấy là ngoài
Ta gọi là tâm lượng
Bên ngoài không thật có
Chúng được hiện từ tâm
Thân, tài sản, nhà cửa
Ta gọi là tâm lượng.*

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai dạy rằng: “Như ta đã nói, ông và các Bồ-tát khác không nên chấp vào ý nghĩa của các từ.” Bạch Thế Tôn! Thế nào là ý nghĩa của các từ?

Đức Phật nói:

–Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ thật kỹ!

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Vâng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ngôn từ nghĩa là dựa vào phân biệt và tập khí làm nguyên nhân. Dựa vào răng, hàm, lợi, lưỡi, môi và xoang của miệng mà phát ra những thanh âm văn tự đối thoại với nhau. Đây là ngôn thuyết.

Thế nào là nghĩa? Vị Đại Bồ-tát một mình ở nơi vắng vẻ, dùng trí tuệ văn, tư, tu dẫn đến con đường Niết-bàn vì cảnh giới tự chứng, chuyển đổi các tập khí, thực hành vô số hành tướng ở nơi các Địa. Đây gọi là nghĩa.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát thành thực đối với các từ ngữ và ý nghĩa, nhận thấy rằng từ ngữ và ý nghĩa không đồng nhất, cũng không khác, từ ngữ và ý nghĩa cũng lại như

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

vậy. Nếu ý nghĩa khác với từ ngữ thì nó sẽ không được biểu hiện nơi ý nghĩa, nhưng nhân nơi từ ngữ mà nhận thấy ý nghĩa, như sự vật được chiếu sáng bởi ngọn đèn.

Này Đại Tuệ! Ví như có người cầm đèn chiếu vào đồ vật và biết rằng những vật như vậy đang ở đây và ở chỗ này. Cũng vậy, này Đại Bồ-tát. Nhờ vào cây đèn của từ ngữ và ngôn thuyết mà Bồ-tát vượt khỏi ngôn thuyết, nhập vào cảnh giới tự chứng.

Này Đại Tuệ! Nếu có người chấp vào ý nghĩa của ngôn từ và chấp vào những xác nhận của chúng về tự tánh Niết-bàn vốn không sinh không diệt về ba thừa, Nhất thừa, năm pháp, tâm thức, tự tánh... người ấy sẽ rơi vào kiến giải hoặc kiến lập, hoặc phỉ báng. Vì khác nhau như vậy nên bị phân biệt. Như thấy việc huyễn hóa mà chấp là thật có. Người ngu mới như vậy, chứ người trí thì không như vậy.

Đức Thế Tôn lập lại kệ tụng:

*Nếu theo ngôn chấp nghĩa
Kiến lập nơi các pháp
Vì sự kiến lập đó
Chết đọa vào địa ngục
Trong uẩn không có ngã
Không uẩn tức là ngã
Không như phân biệt ấy
Chẳng hữu và phi hữu
Như người ngu phân biệt
Tất cả đều có tánh
Nếu nhận thấy như thế
Đều nên thấy chân thật
Tất cả pháp dơ sạch
Hoàn toàn không thể tánh
Không như người kia thấy
Và cũng không thật có.*

Này Đại Tuệ! Ta sẽ nói cho ông nghe về tướng của Trí và Thức. Ông và các Đại Bồ-tát khi đã thành thạo về tướng của trí và thức thì các ông sẽ chóng đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Đại Tuệ! Có ba loại trí: Thế gian, Xuất thế gian, Xuất thế gian thượng thượng.

Thế nào là Trí thế gian? Nghĩa là tất cả ngoại đạo, phàm phu bị ràng buộc vào pháp hữu và vô.

Thế nào là Trí xuất thế gian? Nghĩa là hàng Thanh văn và Duyên giác bị ràng buộc vào tướng chung và tướng riêng.

Thế nào là Trí xuất thế gian thượng thượng? Nghĩa là chư Phật và Bồ-tát quán sát tất cả các pháp đều vô tướng, không sinh không diệt, phi hữu phi vô, chứng pháp vô ngã, nhập Như Lai địa.

Này Đại Tuệ! Có ba loại trí. Đó là: Trí biết tướng chung và tướng riêng, trí biết sinh diệt, trí biết không sinh không diệt.

Này Đại Tuệ! Sinh diệt là thức, không sinh không diệt là trí, rơi vào tướng vô tướng và lấy các tướng hữu vô làm nhân. Thức là lìa tướng vô tướng và nhận hữu vô là trí. Thức có sự tích tập và trí là tướng phi tích tập. Bị ràng buộc vào tướng cảnh giới là thức, không bị ràng buộc vào tướng cảnh giới là trí. Thức được sinh ra do sự hòa hợp của ba

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tướng. Trí trong tự tánh của nó là vô ngại, có tướng có thể nắm bắt là thức, tướng chẳng thể nắm bắt là trí. Đó là cảnh giới sở hành của tự chứng bằng Thánh trí. Như mặt trăng trong nước, không vào cũng không ra.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nghiệp do tâm chất chứa
Trí quán sát các pháp
Tuệ chứng đạt vô tướng
Và tự tại oai quang
Tâm buộc vào cảnh giới
Trí phát sinh giác tướng
Vô tướng và tối thắng
Trí tuệ khởi nơi đây
Tâm ý cho đến thức
Lìa các tướng phân biệt
Được pháp vô phân biệt
Bồ-tát khác Thanh văn
Tịch lặng nhãn tối thắng
Như Lai trí thanh tịnh
Sinh ý nghĩa cao vời
Viễn ly các sở hành
Ta có ba thứ trí
Bậc Thánh thường chiếu sáng
Phân biệt nơi các tướng
Mở bày tất cả pháp
Trí ta lìa các tướng
Vượt qua khỏi Nhị thừa
Vì các hàng Thanh văn
Chấp chặt vào pháp hữu
Tuệ Như Lai không nhiễm
Vì liễu đạt duy tâm.*

Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo có chín loại kiến thức về sự chuyển biến, đó là:

1. Chuyển biến về hình.
2. Chuyển biến về tướng.
3. Chuyển biến về nguyên nhân.
4. Chuyển biến về sự phù hợp.
5. Chuyển biến về kiến giải.
6. Chuyển biến về nguồn gốc.
7. Chuyển biến về vật chất.
8. Chuyển biến về những điều kiện rõ ràng.
9. Chuyển biến về sự tạo tác rõ ràng.

Đây là chín kiến giải mà tất cả ngoại đạo đều nhân nơi đó mà xây dựng trên luận thuyết chuyển biến của hữu và vô. Trong đó chuyển biến về hình, nghĩa là sự khác biệt về hình tướng bên ngoài. Ví như vàng có hình dáng khác nhau khi dùng làm đồ trang sức, như chiếc vòng đeo tay, vòng đeo cổ, nhiều thứ khác nhau, hình dáng không giống nhau, nhưng bản chất nó vẫn là vàng không khác. Tất cả sự vật chuyển biến cũng như

vậy. Các nhà ngoại đạo khác chấp chặt vào những chuyển biến đó, cho rằng chúng không phải như vậy và chẳng khác nhau. Tất cả sự khác biệt trong sự chuyển biến đó đều do phân biệt. Thế nên biết rằng, cũng như sữa đông lại thành sữa đông và trái cây chín thành rượu. Các nhà ngoại đạo cho đây là có sự chuyển biến, thật ra không có cái gì được chuyển biến, hoặc hữu hoặc vô, là những gì được thấy từ chính cái tâm, không phải ngoại vật. Đó là những gì mà kẻ phàm phu ngu muội bị sinh khởi từ tập khí và tâm phân biệt, chứ thật ra không có một pháp nào sinh ra hay mất đi. Giống như nhiều màu sắc được thấy do ảo ảnh hay trong giấc mộng. Như đứa con người thạch nữ mà nói có sống và có chết.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Hình chuyển theo thời gian
Giác quan và bốn đại
Dần sinh trong trung ấm
Vọng tưởng không trí tuệ
Chư Phật không phân biệt
Duyên khởi và thế gian
Nhưng chuỗi nhân quả ấy
Giống thành Càn-thát-bà.*

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đức Như Lai giải thích cho con nghĩa lý sâu xa về sự ràng buộc và cách giải thoát của tất cả các pháp, làm cho con và các Bồ-tát hiểu biết rõ ràng về pháp này. Khi chúng con không bị rơi vào sự ràng buộc của ngôn từ và ý nghĩa sâu xa, thì chúng con sẽ tách rời ngôn ngữ, văn tự hư vọng phân biệt. Chúng con sẽ vào trong tất cả cõi Phật, có năng lực thần thông tự tại và ấn quyết Đà-la-ni. Chúng con được tuệ giác an trú nơi mười nguyện vô tận, biến hiện tất cả bằng hành tác tự tại với ánh sáng chiếu ngời như mặt trăng, mặt trời, châu ngọc, đất, nước, lửa, gió và giữ ở các cấp độ xa lìa kiến giải phân biệt. Khi biết tất cả các pháp như huyễn, như giấc mộng, chúng con an trú vào địa vị Như Lai, hóa độ khắp các chúng sinh, làm cho họ biết vạn pháp đều giả dối không thật và giải thoát cho họ ra khỏi chấp chặt về hữu và vô, đoạn trừ chấp trước về sinh diệt, không đắm trước ngôn từ, chuyển được tâm thức.

Đức Phật bảo:

–Các ông hãy lắng nghe ta nói!

Này Đại Tuệ! Sự chấp chặt sâu xa nhất của con người đối với tất cả các pháp, tức là cái ý nghĩa mà chúng ta hiểu theo ngôn từ thật vô lượng. Nghĩa là sự chấp chặt vào các hình tướng, nhân duyên, hữu và vô, sinh và không sinh, diệt và không diệt, thừa và phi thừa, hữu vi và vô vi, tự tướng của các Địa. Sự chấp chặt vào chính sự phân biệt và sự phân biệt sinh khởi từ chứng ngộ, sự chấp vào hữu và vô mà các nhà ngoại đạo bị ràng buộc, sự chấp vào ba thừa và Nhất thừa.

Này Đại Tuệ! Đây là những sự chấp trước sâu xa có vô lượng thứ mà kẻ phàm ngu tự phân biệt, chấp chặt vào một cách thâm sâu. Những sự phân biệt này như con tầm làm kén, bị những sợi tơ vọng tưởng quấn lấy chúng và cuộn những con tầm khác nữa. Kẻ phàm phu chấp chặt vào những ý niệm về hữu và vô trong mê đắm kiên trì.

Này Đại Tuệ! Trong đây thật chẳng phải là nơi cô tịch và chẳng phải là tướng cô tịch. Vì Đại Bồ-tát thấy tất cả các pháp trụ nơi vắng lặng mà không phân biệt vậy. Nếu Bồ-tát hiểu rõ các pháp được thấy chính do tâm, không có vật bên ngoài, đều cùng vô

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tướng, tùy thuận quán sát đối với hoặc hữu, hoặc vô, hoặc phân biệt sự chấp chặt đều thấy suốt tịch tĩnh. Như thế, không có tướng chấp chặt hay không chấp chặt.

Này Đại Tuệ! Trong đây không có trói buộc, cũng không có giải thoát, chỉ trừ kẻ không thật hiểu rõ mới thấy có sự trói buộc và giải thoát mà thôi. Vì sao? Vì trong tất cả các pháp không có hữu và vô, tìm trong thể tánh nó không thể được.

Này Đại Tuệ! Phạm phu ngu si có ba sự ràng buộc, đó là tham, sân, si cùng ái tái sinh câu hữu với hỷ và tham. Do những thứ này trói buộc làm cho chúng sinh bị luân chuyển sinh trong năm đường. Nếu sự trói buộc được chấm dứt thì những chúng sinh đó sẽ không có tướng là buộc hay không buộc.

Này Đại Tuệ! Nếu có chấp trước vào duyên ba hòa hợp thì các thức trói buộc lần lượt khởi lên. Vì có chấp trước cho nên có sự trói buộc. Khi ba hòa hợp làm cho các thức vận hành không còn thì sẽ thấy ba giải thoát, tất cả những sự trói buộc đều không sinh khởi.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Vọng tưởng phân biệt sinh
Gọi đó là ràng buộc
Như thật biết điều này
Lưới buộc ràng đứt đoạn
Phàm ngu không thấu triệt
Ràng buộc bởi nghĩa từ
Ví như tầm trong kén
Vọng tưởng tự quán mình.*

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã dạy: “Do vô số tâm phân biệt các pháp, vốn dĩ không có tự tánh trong các pháp, đó chỉ là vọng chấp, chứ thật không có các pháp.” Phải chăng sự dơ sạch của các pháp sẽ không tan hoại?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Đúng thế! Đúng như lời ông nói! Tự tánh của các pháp là sự phân biệt của phàm ngu, thật ra không phải như họ phân biệt. Đó chỉ là vọng chấp, không có tánh tướng, nhưng các bậc Thánh dùng đôi mắt trí tuệ xác nhận bằng cái biết thông tuệ, thấy được tự tánh của các pháp.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Nếu các Thánh nhân thấy có các pháp tánh bằng đôi mắt Thánh tuệ, tức không phải cái thấy của trời, của người, không giống sự phân biệt của kẻ phàm ngu, thì làm sao những kẻ phàm ngu ấy từ bỏ những phân biệt của họ, khi mà họ không thể hiểu rõ các pháp của bậc Thánh?

Bạch Thế Tôn! Vì họ không điên đảo, cũng chẳng không điên đảo. Vì sao? Vì họ không có trí thấu suốt của bậc Thánh, cái thấy của bậc Thánh xa lìa tướng hữu và vô. Thánh trí cũng không giống như người phàm phân biệt. Vì khía cạnh thật của nó đúng như nó, chứ không phải tướng cảnh giới không gì khác trong chính nó tạo ra. Họ cũng thấy có các tướng của pháp tánh, nhưng không gì khác hơn là do tánh tướng tượng của họ tạo ra, không nói đến có nhân duyên hay không nhân duyên và họ rơi vào cái thấy hình tướng của các pháp tánh.

Bạch Thế Tôn! Ngoài ra các cảnh giới ấy đã không giống nhau, như vậy thành ra phạm lỗi về vô cùng, vì chấp vào tướng của thật tánh để hiểu rõ các pháp.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Bạch Thế Tôn! Các tướng của pháp tánh không có nhân phân biệt thì làm sao có thể bảo rằng: do phân biệt mà có các pháp?

Bạch Thế Tôn! Tướng của phân biệt không giống tướng của các pháp, một khi nguyên nhân không giống nhau thì làm sao các pháp mà do phân biệt được? Và tại sao sự phân biệt của người ngu không thấy đúng như thật tánh? Nhưng Thế Tôn dạy cho chúng con rằng: “Vì muốn làm cho chúng sinh gạt bỏ sự phân biệt của họ, cho nên nói tướng của các pháp giống như những điều họ phân biệt không đúng như vậy.”

Bạch Thế Tôn! Có phải để cho chúng sinh thoát khỏi ý niệm chấp trước các pháp hữu và vô, họ lại chấp trước cảnh giới Thánh trí nên rơi vào kiến giải về hữu. Vì sao Thế Tôn lại dạy học thuyết không vô vắng lặng mà tự tánh của nó là Thánh trí?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Không phải là ta phủ nhận học thuyết vắng lặng, cũng không phải là ta rơi vào kiến giải thật có. Vì sao? Vì ta đã nói tự tánh của Thánh trí, để cho chúng sinh vốn từ thời quá khứ đến nay luôn chấp trước về hữu mà nói các pháp vắng lặng của bậc Thánh, làm cho những ai đã được nghe rồi không sinh tâm sợ hãi, mà có thể chứng thật tánh vắng lặng, lia bỏ trạng thái mê hoặc rối loạn, nhập vào chân lý duy thức, biết rõ những gì được thấy chính tự nơi tâm. Họ ngộ ba môn giải thoát, đạt dấu ấn như thật. Họ có trực giác thấu suốt tự tánh các pháp nơi cảnh giới bậc Thánh, loại bỏ được tất cả chấp trước hữu vô.

Này Đại Tuệ! Bồ-tát không nên thành lập luận đề: “Tất cả các pháp đều không sinh.” Vì sao? Vì tất cả các pháp vốn không có và luận đề ấy xác định bằng tính chất của sự sinh.

Này Đại Tuệ! Tất cả các pháp không sinh thì chính là lời nói này tự hủy hoại luận đề ấy. Vì sao? Vì theo luận đề này, cái gì mang bản chất hữu thì được định tính bằng tính chất của sự sinh; trong khi các Bồ-tát xác định rằng: “Tất cả các pháp là tướng không sinh, cũng không diệt”, cho nên luận đề này nhập vào trong tất cả các pháp. Pháp hữu, pháp vô của luận đề này đều không sinh. Luận đề này nhập vào trong tất cả các pháp, vì tướng hữu tướng vô cũng không sinh. Thế nên tất cả các pháp không sinh của luận đề này lại đánh bại chính luận đề. Không nên lập luận đề này, vì có nhiều lỗi, tướng trạng nhân này lẫn lộn khác nhau. Như chủ trương rằng: Các pháp không sinh, hay các pháp là trống rỗng, không có tự tánh.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát nên nói rằng: Tất cả các pháp như huyễn hóa, như giấc mộng, vì chúng được nhận thấy như không thấy. Và tất cả các pháp đều là tướng mê hoặc, rối loạn, ngoại trừ cảm giác sợ hãi khởi dậy trong tâm của người ngu.

Này Đại Tuệ! Người ngu si bị rơi vào kiến giải về hữu và vô, chớ để cho họ sợ hãi, xa lánh Đại thừa.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Không tự tánh, giả thiết
Vô sự, vô y xứ
Phân biệt bởi người ngu
Kém hiểu, như thầy ma
Tất cả pháp không sinh
Thành lập của ngoại đạo
Không cần có thuyết lập
Chẳng do duyên thành tựu*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tất cả pháp không sinh
Người trí không phân biệt
Luận đề được tạo nên
Lập luận không tồn tại
Giống như người nhắm mắt
Thấy nhâm nghĩ hoa đốm
Các pháp cũng như vậy
Người ngu vọng phân biệt
Ba cõi chỉ giả danh
Không có thể pháp thật
Do lập giả thuyết này
Họ tiếp tục phân biệt
Các sự tướng giả danh
Động loạn nơi tâm thức
Đệ tử Phật vượt qua
Đạo chốn không phân biệt
Chỗ không nước tưởng nước
Đây do khát ái sinh
Người ngu nhìn các pháp
Bậc trí không như thế
Thánh nhân thấy thanh tịnh
Sinh ra ba giải thoát
Vượt khỏi sinh và diệt
Thường đạo cõi vô tướng
Tu hành cõi vô tướng
Cả vô tướng cũng không
Bình đẳng hữu và vô
Quả Thánh trí được sinh
Pháp hữu vô thế nào
Thế nào thành bình đẳng
Nếu tâm không hiểu pháp
Động, loạn, trong, ngoài, giữa
Tâm thấy được bình đẳng
Động loạn sẽ không còn.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn dạy, nếu biết cảnh giới chỉ là giả danh, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt, thì không có sự chấp giữ. Không có sự chấp giữ thì không có chấp giữ. Hành động chấp và sự chấp, cả hai đều không nên phân biệt, không còn phát sinh nữa, gọi đó là Trí.

Bạch Thế Tôn! Có phải vì trí không đạt được cảnh giới, vì không nhận biết được tướng riêng tướng chung, nghĩa giống và khác của tất cả các pháp cho nên gọi là “chẳng thể” ư? Hay là vì tướng riêng tướng chung, các loại tướng của các pháp không giống nhau mà che khuất nhau, cho nên gọi là “chẳng thể” chẳng? Hay là bị trở ngại vì ngọn núi, vách đá, bức tường, tấm màn, tấm trướng... làm cho không thể đạt được trí tuệ siêu việt chẳng? Hay là vì quá xa, hay quá gần, hay vì tuổi già, tuổi trẻ, mù lòa do các giác

quan không hoàn hảo nên không đạt được? Nếu cái biết không đạt được là do chúng ta không nhận biết tướng chung tướng riêng, đơn tính, đa tính của các pháp thì gọi là bất đắc. Ở đây không gọi là trí nên gọi là vô trí. Do có cảnh giới trước mắt mà chúng ta không biết chúng. Nếu cái biết chúng ta không thể đạt được vì bị ngăn che bởi tướng chung, tướng riêng, tất cả không giống nhau của các pháp, thì đó là phi trí. Vì biết nơi cảnh nên gọi là trí, chứ chẳng phải là không biết. Nếu cái biết không đạt được do trở ngại của ngọn núi, vách đá, bức tường, tấm màn, tấm trướng hay quá xa, quá gần, tuổi trẻ, tuổi già, mù lòa... thì không phải là trí. Bởi vì đối với cảnh giới có mà trí không đầy đủ nên không biết vậy.

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Đây thật là trí không phải như thầy nói. Lời ta nói chẳng phải là lời nói ngăn che. Ta nói rằng: “cảnh giới là giả danh, chẳng thể nắm bắt”, vì hiểu rõ rằng có và không của pháp bên ngoài đều là thấy tự nơi tâm. Đối với sự việc ấy, trí tuệ hoàn toàn chẳng thể nắm bắt. Vì vô đắc cho nên đối tượng không khởi, nhập vào ba giải thoát thì thể của trí cũng mất luôn, không như những tướng tượng của phàm phu từ tập khí diễn ra liên tục, chấp chặt từ thời vô thủy đến nay về các pháp bên ngoài đối với các loại hình tướng, hoặc hữu hay vô. Như thế, nên biết là không hiểu không biết các pháp chỉ được thấy tự tâm. Họ bị vướng mắc vào cảnh trí phân biệt của ngã và ngã sở, không biết ngoài pháp là có hay không. Tâm của họ trú nơi đoạn kiến. Vì muốn làm cho họ chấm dứt hẳn sự phân biệt như thế, nên Ta nói: Tất cả pháp do tâm tạo.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu cái biết đối tượng
Trí tuệ không thấy rõ
Thật vô trí phi trí
Đó gọi là vọng chấp
Che đậy nhau vô cùng
Trở ngại xa hay gần
Trí tuệ không thể thấy
Gọi là trí sai lầm
Do tuổi tác, mù lòa
Không thật biết cảnh giới
Trí tuệ không sinh khởi
Gọi là trí sai lầm.*

Này Đại Tuệ! Kẻ phàm phu ngu si bản chất vốn sai lầm, bị mê hoặc bởi những phân biệt tà kiến, không hiểu rõ chân lý và những thuyết giảng ấy bằng ngôn từ. Vì họ chấp vào những hình tướng bên ngoài, vốn được thấy bằng tâm và chấp vào những học thuyết mà không biết đó là phương tiện. Họ không thể tu tập thanh tịnh để tiếp nhận chân lý tách rời bốn mệnh đề (Tứ cú).

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thưa đúng vậy! Đúng như lời Thế Tôn dạy! Xin Thế Tôn nói cho con nghe về pháp chân thật và những ngôn thuyết về chân lý ấy. Nhờ đó, con và các Bồ-tát hiểu tường tận về hai pháp này, mà các ngoại đạo hay Thanh văn, Duyên giác không thể thâm nhập được.

Đức Phật nói:

–Các ông hãy lắng nghe ta nói!

Này Đại Tuệ! Có hai phương pháp của các Đức Như Lai trong ba đời là quá khứ, hiện tại và tương lai. Đó là pháp giảng dạy và pháp như thật. Pháp bằng ngôn thuyết nghĩa là tùy theo tâm của chúng sinh mà dùng nhiều pháp môn, phương tiện để chỉ dạy cho họ. Pháp như thật là người tu hành tách rời được những sự phân biệt những gì được thấy tự tâm, không rơi vào nhị biên của đồng và dị, câu hữu hay không câu hữu, vượt khỏi tất cả tâm, ý và ý thức. Đối với cảnh giới thực hành của Thánh trí tự chứng thì không liên quan đến những nhân duyên, tương ứng với kiến phần và tướng phần. Tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác rơi vào nhị biên vì không thể biết. Đây gọi là pháp như thật. Hai loại pháp này, thầy và các chúng Bồ-tát hãy khéo tu học.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ta nói hai loại pháp
Lời dạy và như thật
Giảng dạy cho kẻ ngu
Cùng người tu thật chứng.*

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có lần Đấng Như Lai dạy rằng: “Luận về chú thuật Lô-ca-da-đà, chỉ có thể gặt hái được nhiều tài lợi trần tục chứ không có lợi lộc về pháp, không nên thân cận phụng sự và cúng dường.” Bạch Thế Tôn! Vì sao đấng Như Lai lại dạy như thế?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Vì tất cả những luận của Lô-ca-da-đà chỉ là những câu trang sức văn vẻ, mê hoặc người ngu. Những ngôn từ dối trá thuận theo trần tục và những lời dạy đó hoàn toàn không phù hợp với sự thật, không đúng với nghĩa lý, không chứng nhập nơi cảnh giới chân thật, không tỏ ngộ tất cả các pháp, thường rơi vào nhị biên, tự đánh mất con đường chân chánh, cũng làm cho người khác lạc lối, bị luân hồi trong các nẻo, vĩnh viễn không thoát ra được. Vì sao? Vì họ không hiểu rằng các pháp không có gì ngoài cái nhìn thấy tự tâm. Họ bị chấp chặt vào ngoại cảnh, tăng thêm ý niệm phân biệt. Thế nên ta bảo văn từ của luận thế gian, tuy là hay đẹp nhưng chỉ để mê hoặc người ngu và không thể làm cho thoát khỏi tai họa như sinh, già, bệnh, chết, lo buồn...

Này Đại Tuệ! Thích Đề-hoàn Nhân là người hiểu rộng các luận thuyết, chính ông là tác giả của các luận thuyết. Nhà luận thuyết này có một đệ tử, hiện thân là rồng, đến cung Đế Thích và đưa ra luận thuyết với lời cam kết rằng: “Này Kiều-thi-ca! Ta cùng người tranh luận, nếu người không bằng ta, ta sẽ đập vỡ chiếc xe có ngàn nan của người. Và nếu ta không bằng người, thì tất cả đầu rồng của chúng ta sẽ bị chặt từng đoạn, để tạ lỗi sự thua ấy.”

Nói xong, người đệ tử ấy đưa ra vấn đề tranh luận và đã đánh bại được Đế Thích. Do đó, chiếc xe có ngàn nan bị đập vỡ. Thế rồi người đệ tử ấy trở lại cõi này.

Này Đại Tuệ! Ngôn luận của thế gian trang bị rất nhiều lý luận và dẫn dụ, cho đến có thể hóa hiện hình rồng, rồi dùng những văn từ hay đẹp để mê hoặc chư Thiên và A-tu-la, làm cho họ chấp chặt vào ý niệm sinh diệt, các sự thấy mà thư chú cho người.

Thế nên, này Đại Tuệ! Không nên thân cận, phụng sự và cúng dường Lô-ca-da-đà, vì họ đã tạo tác nguyên nhân làm cho khổ đau sinh khởi.

Này Đại Tuệ! Thế luận chỉ nói về cảnh giới do thân thể biết được.

Này Đại Tuệ! Thế luận kia có trăm ngàn câu chữ, ở trong những đời sau có những dự kiến chống đối nhau, chúng ta phân tán, chia chẻ thành nhiều bộ phái và mỗi nhóm

mắc vào lập luận, cho mình là đúng.

Này Đại Tuệ! Đây chẳng phải là hàng ngoại đạo khác có thể lập giáo pháp, chỉ có Lô-ca-da-đà dùng trăm ngàn câu cú để giảng rộng, bằng vô lượng nguyên nhân và hình thức khác nhau, hoàn toàn không phù hợp với chân lý, mà họ cũng không tự nhận ra rằng: Đó là những luận thuyết mê hoặc thế gian.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu luận của Lô-ca-da-đà tạo ra với những từ ngữ, câu cú, thí dụ hay đẹp, nhưng lại là những chấp chặt theo chủ trương của mình, không đúng với pháp như thật, đó là của ngoại đạo. Và Thế Tôn cũng giảng thuyết việc của thế gian, nghĩa là Thế Tôn cũng giảng thuyết nhiều về Thế luận, bằng những ngôn ngữ văn tự khác nhau cho các hội chúng trời, người ở khắp cõi nước mười phương vân tập về, chẳng phải là pháp do Thế Tôn chứng đắc bằng trí tuệ của bậc Thánh. Như vậy Thế Tôn cũng đồng với ngoại đạo thuyết giáo hay sao?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ta không thuyết giảng thuyết Thế luận, cũng không giảng cái đến và đi, nhưng ta thuyết giảng các pháp không đến không đi.

Này Đại Tuệ! Đến, nghĩa là sinh khởi và tích tập. Đi, nghĩa là hoại diệt. Cái gì không đến không đi thì gọi là không sinh không diệt.

Này Đại Tuệ! Lời ta thuyết giảng không giống như ngoại đạo để rơi vào trong sự phân biệt. Vì sao? Ngoài cái có không của các pháp thì không có sự chấp trước. Thấy rõ tất cả chỉ có tự tâm, nên không thấy có hai thủ, không thấy cảnh tượng của hình sắc, không sinh phân biệt, nên họ được nhập vào ba môn giải thoát: Không, Vô tướng, Vô nguyện.

Này Đại Tuệ! Ta nhớ khi ta đang ở tại một nơi nào đó, có một Thế luận Bà-la-môn đến chỗ ta và hỏi thẳng ta rằng:

–Thưa Cô-đàm! Có phải tất cả đều do hành động, phải không?

Khi ấy ta đáp:

–Này Bà-la-môn! Nếu tất cả đều do hành động thì đó là chủ trương đầu tiên của Thế luận.

Ông ta lại hỏi:

–Vậy thì có phải tất cả đều chẳng phải là hành động, phải không?

Ta đáp:

–Tất cả đều không phải hành động thì đó là chủ trương thứ hai của Thế luận.

Người Bà-la-môn lại hỏi:

–Tất cả là thường chẳng? Tất cả là vô thường chẳng? Tất cả là sinh chẳng? Tất cả là không sinh chẳng?

Ta đáp:

–Này Bà-la-môn! Đây là chủ trương thứ sáu của Thế luận.

–Thưa Cô-đàm! Có phải tất cả là một? Có phải tất cả là khác? Có phải tất cả là kết hợp, tất cả là không kết hợp? Có phải tất cả đều do nhiều nhân duyên mà thọ sinh?

–Này Bà-la-môn! Đây là chủ trương thứ mười một của Thế luận.

Người kia lại hỏi:

–Có phải tất cả đều hữu ký? Có phải tất cả đều vô ký? Có ngã không? Hay vô ngã? Có thế giới này không? Không có thế giới này ư? Có thế giới khác hay không có thế giới khác? Có giải thoát hay không có giải thoát? Có sát-na hay không phải là sát-na?

Có hư không, Niết-bàn và phi trạch diệt là do tạo tác hay không tạo tác? Có trung hữu hay không trung hữu?

–Này Bà-la-môn! Đây là Thế luận, hoàn toàn không phải là luận thuyết của ta.

Này Bà-la-môn! Ta thuyết giảng rằng: Nhân nơi hý luận sai lầm từ vô thủy và các tập khí xấu mà sinh ra ba cõi. Vì không nhận biết rõ rằng tất cả đều chính tự tâm mà chấp chặt vào các pháp bên ngoài đều không thật có. Theo hàng ngoại đạo nói thì ngã, căn và cảnh hòa hợp mà sinh ra. Cái biết ta không nói như vậy, ta không nói về nhân, cũng không nói về vô nhân. Chỉ duyên vào vọng tâm mà có năng thủ và sở thủ, nên nói duyên khởi. Không phải Bà-la-môn và những người chấp ngã khác có thể lường được.

Này Đại Tuệ! Hư không, Niết-bàn và phi trạch diệt chỉ có ý nghĩa về ba số đếm, nó vốn không có thể tánh. Do đó, không cần phải nói là chúng có được tạo ra hay không.

Này Đại Tuệ! Khi ấy, Thế luận Bà-la-môn lại hỏi ta rằng:

–Có phải do vô minh, ái, nghiệp làm nhân và duyên nên có ba cõi không? Hay là không nhân duyên?

–Này Bà-la-môn! Hai câu hỏi này cũng thuộc về Thế luận.

–Thưa Cô-đàm! Có phải tất cả các pháp đều nhập vào tướng riêng và tướng chung chăng?

–Điều này cũng thuộc về Thế luận. Này Bà-la-môn! Khi nào còn có một chút tâm thức dao động, phân biệt ngoại cảnh thì đều là Thế luận.

Này Đại Tuệ! Khi ấy, người Bà-la-môn lại hỏi ta rằng:

–Thưa Cô-đàm! Có triết thuyết nào không thuộc về Thế luận không? Bao nhiêu ngôn từ, luận thuyết mà tất cả triết gia nói bằng nhiều từ và cụm từ khác nhau, bằng những ví dụ và kết luận hay đẹp, chẳng phải đều được rút ra từ trong Luận pháp của tôi đó sao?

–Này Bà-la-môn! Có cái gì đó không phải là Luận pháp của người, mặc dù nó không vượt khỏi điều người ta chấp nhận. Và nó không được thuyết giảng bằng những văn chương, câu cú phù hợp hay không phù hợp với nghĩa lý. Có triết lý nào trong cuộc đời này mà không phù hợp với Thế luận chăng?

–Có, nhưng nó không thuộc về sự hiểu biết của người và tất cả hàng ngoại đạo. Vì sao? Vì chấp chặt vào những phân biệt sai lầm của ngoại pháp. Nếu có thể hiểu rõ được mọi hiện tượng trong cuộc đời này đều là biểu hiện của tự tâm thì không sinh phân biệt và không chấp giữ thế giới bên ngoài, ở ngay chỗ mình là không phát sinh sự việc. Không phát sinh sự việc gì? Là không phát sinh phân biệt. Đây là giáo pháp của ta, người không thể có được.

Này Bà-la-môn! Tóm lại, tùy theo chỗ nào đó mà trong tâm thức có sự đến và đi, do biến đổi của sinh tử, hoặc tìm cầu yêu thương, hoặc cảm nhận, hoặc thấy, hoặc tiếp xúc, hoặc trú ngụ, nhận lấy các tướng, một sự hòa hợp và tương tục. Đối với ái, đối với nhân mà sinh chấp trước đều là thế luận của người, không phải là giáo pháp của ta.

Này Đại Tuệ! Thế luận Bà-la-môn đã hỏi những điều như vậy và được ta trả lời. Ông ấy không hỏi Ta về thật pháp của ta, mà chỉ im lặng bỏ đi. Người Bà-la-môn thầm nghĩ: “Sa-môn Cô-đàm thật đáng tôn trọng, vì ông ta bảo tất cả các pháp không sinh khởi, không tướng, không nhân, không duyên. Chúng được trông thấy bởi sự phân biệt của tự tâm và hiểu rõ rằng sự phân biệt này không sinh khởi.”

Này Đại Tuệ! Nay ông cũng hỏi ta về nghĩa này. Vì sao thân cận các Thế luận mà

chỉ đạt được lợi trần tục, chứ không được lợi giáo pháp?

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Đức Thế Tôn dạy những ý nghĩa về tài và pháp là gì?

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Ông đã nghĩ sâu xa về hai ý nghĩa này, vì chúng sinh trong tương lai, vậy thì hãy lắng nghe cho kỹ.

Này Đại Tuệ! Gọi “tài” nghĩa là đối tượng người ta có thể sờ chạm, cảm nhận, nắm lấy hay nắm được, làm cho người ta ràng buộc vào thế giới bên ngoài, bị rơi vào nhị biên. Từ đó, tăng thêm tham ái, sinh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não. Ta và chư Phật gọi đó là hỷ lạc thế tục. Đó là đạt được sự thân cận của Thế luận.

Thế nào là pháp lợi? Nghĩa là hiểu rõ các pháp chính tại nơi tâm, thấy hai vô ngã nên không thủ nơi tướng, không có phân biệt, biết rõ các Địa thì lìa khỏi tâm, ý, thức. Họ được tất cả chư Phật cùng làm pháp quán đánh, nên nhận giữ và thực hành đầy đủ mười nguyện vô tận, được tự tại đối với tất cả các pháp. Đây gọi là pháp lợi. Con người nhờ vào pháp này mà thoát khỏi tất cả các kiến giải suy luận điên đảo, những phân biệt và khái niệm nhị biên về thường - đoạn.

Này Đại Tuệ! Thế luận của ngoại đạo dẫn dắt người ngu si rơi vào nhị biên, tức là vĩnh cửu và đoạn diệt, chấp nhận học thuyết phi nhân duyên, nên sinh khởi thường kiến. Do nhân hoại diệt nên sinh khởi đoạn kiến. Ta giảng không chấp vào sinh, trụ, diệt, được gọi là pháp lạc. Đây là hai tướng sai biệt của tài và pháp. Ông và các Bồ-tát hãy nỗ lực quán sát.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nhiếp phục các chúng sinh
Bằng giới ngăn mọi ác
Trí tuệ diệt tà kiến
Tăng trưởng được giải thoát
Sai lầm ngoại đạo nói
Đều là Luận thế tục
Chấp vào sự tạo tác
Không thể tự đứng vững
Chỉ theo chủ trương ta
Không chấp vào năng, sở
Dạy cho các đệ tử
Thoát ngoài nơi Thế luận
Pháp năng thủ, sở thủ
Ngoài tâm không hề có
Nhị biên do tâm hiện
Không dính dáng đoạn, thường
Hễ tâm còn lưu chuyển
Thì đó là Thế luận
Người thấy được tự tâm
Sự phân biệt không khởi
Nó “đến”, thấy sự sinh
Nó “đi” thì sự mất
Hiểu rõ “đến” và “đi”*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Sự phân biệt chấm dứt
Thường hằng và vô thường
Tạo tác, không tạo tác
Thế giới đây và kia
Ý này của Thế luận.*

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật nói đến Niết-bàn, nhưng pháp gì gọi là Niết-bàn? Niết-bàn mà tất cả ngoại đạo phân biệt là Niết-bàn nào?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Niết-bàn mà các ngoại đạo phân biệt đều không có tướng tùy thuận Niết-bàn. Ông hãy lắng nghe cho kỹ lời ta dạy.

Này Đại Tuệ! Có những nhà ngoại đạo cho rằng: Niết-bàn phải được tìm thấy nơi các pháp vô thường, không tham đắm cảnh giới, chấm dứt các uẩn, các xứ và các giới, tâm và tâm sở không còn hiện hữu, hoặc Niết-bàn phải được tìm thấy ở nơi nào không còn suy tưởng về quá khứ, tương lai hay hiện tại, giống như ngọn đèn bị tắt, như hạt mầm bị hư, như ngọn lửa không còn, vì lúc ấy những chấp giữ không khởi, phân biệt không sinh, thì tư tưởng Niết-bàn sinh khởi.

Này Đại Tuệ! Không phải do kiến hoặc đoạn diệt có thể gọi là Niết-bàn, hoặc đi đến phương khác mà được gọi là Niết-bàn.

Các nhà ngoại đạo nghĩ rằng Niết-bàn như rời xa đến một thế giới khác, hay giống như khi một ngọn gió ngừng thổi. Hoặc giải thoát khỏi kiến giải về năng giác và sở giác thì gọi là Niết-bàn. Hoặc không khởi tâm phân biệt thường và vô thường gọi là được Niết-bàn.

Hoặc có những người cho rằng: Phân biệt các hình tướng khác nhau sẽ sinh ra khổ đau, vì họ không hiểu rằng tất cả đều hiện nơi tâm. Vì không hiểu biết như vậy nên họ sinh ra sợ hãi đối với sắc tướng mà tìm cầu nơi vô sắc tướng và đắm say yêu thích, chấp đó là Niết-bàn.

Có một số người quan niệm Niết-bàn là biết rõ tướng chung, tướng riêng của các pháp bên trong, bên ngoài và duy trì tính chất của chúng trong quá khứ, tương lai, hiện tại không bao giờ đoạn tận.

Hoặc có người chấp rằng: Niết-bàn là ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng và tất cả các pháp tồn tại bất diệt.

Có những nhà ngoại đạo thiếu trí tuệ, nhận định Niết-bàn là thế này: Có tự tánh và dùng khả năng của con người làm ra tất cả các pháp.

Có nhà ngoại đạo quan niệm Niết-bàn chính là sự dập tắt phước và phi phước.

Hoặc chấp rằng: Các phiền não được đoạn tận không phải do trí tuệ. Hoặc chấp Niết-bàn là do kết quả của Tự tại thiên sáng tạo.

Có những ngoại đạo lại bảo rằng: Chúng sinh lần lượt tương tác sinh ra, lấy đó làm nguyên nhân và không có nguyên nhân nào khác hơn nguyên nhân này.

Đó là những người không có trí tuệ nên thiếu sự hiểu biết và do vì không hiểu nên họ cho rằng chính đây là Niết-bàn.

Có những người quan niệm rằng: Niết-bàn là sự đạt được con đường chân thật và phân biệt được hư vọng.

Một số người cho rằng: Niết-bàn là năng lực và người có năng lực hòa hợp một tánh khác tánh, là câu hữu, không câu hữu.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Một số người cho rằng: Niết-bàn là các vật sinh ra từ sự tự nhiên, như những hoa văn lốm đốm của lông con công, sự sắc nhọn của cây kim, mũi gai, hay nơi sinh ra các báu vật. Tất cả những sự việc như vậy do ai sáng tạo? Thế nên họ chấp vào sự tự nhiên và cho là Niết-bàn.

Có một số nhà ngoại đạo cho rằng: Niết-bàn là sự nhận biết hai mươi lăm đấng.

Hoặc có thuyết cho rằng: Niết-bàn là những người tiếp nhận sáu phần bảo vệ chúng sinh.

Hoặc có thuyết cho rằng: Thời gian là kẻ sáng tạo ra thế gian, tùy thuộc vào thời gian, tức là Niết-bàn.

Hoặc họ chấp có vật là Niết-bàn, hay chấp không vật là Niết-bàn, hoặc chấp có vật, không vật là Niết-bàn, hoặc chấp các vật cùng Niết-bàn là không khác, nên tưởng là Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Có những người ngoại đạo khác nói một cách khác nữa...

Bằng Nhất thiết trí, bậc Đạo sư rỗng tiếng rỗng của Sư tử chúa, biết rõ rằng: Tất cả đều do tâm hiện ra, không chấp thủ cảnh giới bên ngoài, xa lìa Tứ cú, trú nơi thật tánh đúng như thật, không rơi vào nhị biên và xa lìa năng thủ, sở thủ. Không rơi vào các lượng, không chấp vào sự chân thật, trụ nơi pháp mà bậc Thánh trí chứng đắc, ngộ hai vô ngã, xa lìa hai phiền não, hai thứ chướng ngại được tẩy sạch, lần lượt tu trải qua các Địa và chứng nhập nơi Phật địa, đạt các đại Tam-muội Như huyễn, vĩnh viễn vượt khỏi tâm ý, cho đến ý thức. Đây mới chính được gọi Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Những cố chấp sai lầm của hàng ngoại đạo kia không phù hợp với chân lý và không được người trí chấp nhận. Họ suy tưởng Niết-bàn theo nhị biên, ở đây không có gì sinh ra và không có gì mất đi cả. Các nhà ngoại đạo đều dựa vào tông phái của mình nên sinh ra sự hiểu biết sai lầm của mình trái với chân lý, hoàn toàn không đạt đến kết quả, chỉ làm cho tâm ý lăng xăng, giông ruổi khắp nơi vì không tìm ra đâu là Niết-bàn. Ông và các Bồ-tát hãy nên xa lìa sự suy tưởng ấy.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lập lại bằng kệ tụng:

*Ngoại đạo thấy Niết-bàn
Phân biệt nhiều cách khác
Đó chỉ là vọng tưởng
Không phương tiện giải thoát
Thoát khỏi mọi phương tiện
Không đạt đến giải thoát
Mà tưởng là giải thoát
Thật ra không giải thoát
Thành lập của ngoại đạo
Bởi trí tuệ chấp sai
Họ không được giải thoát
Lầm ngu si phân biệt
Những ngoại đạo si mê
Thấy sai làm sự làm
Đắm trước luận hữu vô
Thế nên không giải thoát
Phàm ngu ưa phân biệt
Không nên tuệ chân thật*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Cho rằng gốc ba cõi
Chân thật nhân diệt khổ
Ví như ảnh trong gương
Tuy hiện nhưng không thật
Tâm trong gương tập khí
Phàm ngu thấy có hai
Không hiểu do tâm hiện
Nên khởi hai phân biệt
Nếu biết chỉ tại tâm
Thì phân biệt không còn
Tâm tức là đa dạng
Lìa tướng thấy, bị thấy
Như người ngu phân biệt
Tuy thấy như không thấy
Ba cõi chỉ phân biệt
Ngoại cảnh đều không có
Chúng hiện do vọng tưởng
Phàm ngu không hiểu vậy
Phân biệt trong các kinh
Thật chỉ khác danh từ
Nếu tách rời ngôn ngữ
Nghĩa ấy đạt được chi?*

